

Số: /KH-UBND

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 378/TTr-SGDĐT ngày 24/02/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Làm căn cứ để các cơ sở giáo dục xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, các nhiệm vụ trọng tâm theo từng năm học.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm, mục tiêu về phát triển giáo dục trong “Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh.

- Bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp gắn với thực hiện đúng các quy định về phân cấp, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục theo hướng hiện đại, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu văn minh nhân loại, phát triển toàn diện người học, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới, chủ động tham gia và thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các

tiên bộ mới nhất của khoa học và công nghệ; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, tạo nền tảng cho việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Thiết lập một hệ thống giáo dục mở, công bằng, bình đẳng và phục vụ học tập suốt đời; quy hoạch mạng lưới mở, không hạn chế sự phát triển của các trường tư thục. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp đa giá trị, dịch vụ chất lượng cao. Trở thành một trong 10 tỉnh, thành phố hàng đầu của cả nước về giáo dục, đào tạo, đổi mới sáng tạo trước năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giáo dục mầm non

Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo (năm 2028). Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 46,5% và 98% trẻ mẫu giáo đến trường.

Phấn đấu 99,9% trẻ em mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được nâng cao, đảm bảo trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị vào học lớp 1.

100% giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Phấn đấu tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục đạt 30%, số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non tư thục đạt 35%;

Phấn đấu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; có 75% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

b) Giáo dục phổ thông

Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt trên 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt trên 97%; tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 99% và hoàn thành cấp trung học phổ thông đạt 95%; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%, từ trung học cơ sở lên trung học phổ thông và các trình độ khác đạt 95%.

100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục.

Số cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5% và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông tư thục đạt 5,5%.

Tỷ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông đạt 100%; có 98% trường tiểu học, 95% trường trung học cơ sở và 80% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

c) Giáo dục đại học

Số sinh viên đại học/vạn dân đạt ít nhất là 260, tỷ lệ sinh viên đại học trong nhóm độ tuổi 18-22 đạt ít nhất 33%, tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học tại tỉnh Hải Dương đạt ít nhất 1,5%; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 40%.

Dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%.

Mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm 100% cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn.

Phấn đấu 100% cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp.

Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế đặc biệt là đối với các ngành mũi nhọn, các ngành ứng dụng công nghệ cao,... mà tỉnh đang có nhu cầu.

Đào tạo giáo dục đại học thực hiện đa ngành, đa lĩnh vực, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của tỉnh Hải Dương và khu vực.

Số lượng công bố khoa học và công trình ứng dụng khoa học công nghệ tính bình quân trên 01 giảng viên toàn thời gian đạt 0,6 công trình/năm.

Từ năm 2030: có từ 50% trở lên chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế.

Có ít nhất 01 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong số 100 trường đại học tốt nhất Việt Nam.

d) Giáo dục thường xuyên

Phấn đấu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt trên 99,15%; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Triển khai mô hình thành phố học tập; có ít nhất 50% huyện/thị xã/thành phố được công nhận danh hiệu huyện/thành phố học tập và tỉnh được công nhận danh hiệu tỉnh học tập. Phấn đấu có 1 đơn vị hành chính của tỉnh tham gia vào Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, trong đó quan tâm xây dựng, ban hành và thực hiện đồng bộ các chính sách, tạo đột phá để phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh. Xây dựng chính sách thúc đẩy liên kết vùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo.

Rà soát các chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, từ đó đề xuất, kiến nghị với các Bộ, ngành liên quan sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế. Thực hiện tinh giản biên chế theo hướng giảm số người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, không cắt giảm cơ học biên chế giao cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm các vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ khâu quán triệt đến khâu tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng, từ nhận thức mục tiêu giáo dục đến nhận thức về các giải pháp, điều kiện đảm bảo để tạo chuyển biến căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm tính hệ thống, liên thông trong quản lý giáo dục giữa cấp tỉnh với địa phương và các cơ sở giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy bên trong cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Giao quyền tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý, bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong quản trị các cơ sở giáo dục.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Tất cả các cơ sở giáo dục triển khai có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, hình thành môi trường văn hóa giáo dục lành mạnh phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với các trường đại học trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Ưu tiên bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh vùng khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những người yếu thế khác.

Tạo điều kiện cho trẻ dưới 36 tháng tuổi được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn có khu công nghiệp.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Tiếp tục triển khai các phương thức giáo dục hòa nhập.

4. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở; xây dựng thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục địa phương; linh hoạt, đa dạng hoá các chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

Sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng địa phương. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý; thu gọn các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tạo điều kiện phát triển giáo dục mầm non, phổ thông loại hình tư thục ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao. Đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu giáo dục. Khuyến khích áp dụng mô hình trường học hạnh phúc, trường học thông minh, trường học chất lượng cao,...

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường. Có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài làm tại tỉnh.

Phát triển Đại học Hải Dương theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu trong cả nước.

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật.

Rà soát, ưu tiên đủ quỹ đất cho các cơ sở giáo dục.

5. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục

Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục các giá trị cốt lõi, nhân văn, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống văn hóa, tự hào dân tộc, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thể chất và văn hoá thể chất, ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng; giáo dục cho người học lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến, làm người tử tế, có tri thức góp phần quan trọng trong việc hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, trách nhiệm xã hội và nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, ý thức công dân, khát vọng cống hiến và trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe học đường; giáo dục thể chất, phát triển thể trạng và năng khiếu nghệ thuật, văn hóa, thể thao cho học sinh ở tất cả bậc học.

Nâng cao chất lượng thực hiện và phát triển chương trình giáo dục mầm non, vận dụng các phương pháp tiên tiến, phù hợp với năng lực trẻ và điều kiện thực tiễn; đồng thời chuẩn bị đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và tài liệu, học liệu để triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo lộ trình.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh tích hợp Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ - Nghệ thuật - Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học trong

trường phổ thông; phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân và phù hợp với nhu cầu nhân lực của tỉnh.

Tổ chức, thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược Phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045 tại tỉnh Hải Dương; khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, phát huy tiềm năng của người học, khuyến khích tự học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để mở rộng không gian học tập; tổ chức các hoạt động học cho học sinh trên hệ thống quản lý học tập nhằm xây dựng năng lực tự học, định hướng học tập suốt đời. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; khuyến khích dạy học một số môn khoa học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại hội nhập quốc tế.

Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh; ưu tiên tuyển chọn, giới thiệu và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở các nước tiên tiến và các chương trình tiên tiến trong nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

Thực hiện có hiệu quả liên kết giáo dục, khuyến khích việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh với cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục tích hợp. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hòa nhập ở trường phổ thông; tăng cường phối hợp với cá nhân, tổ chức trong thực hiện tốt công tác giáo dục khuyết tật.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng

Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu đội ngũ, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại và nâng trình độ chuẩn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đổi mới công tác đánh giá, phân loại nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; có giải pháp phù hợp trong bố trí, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên không đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo.

Đổi mới cơ chế, chính sách tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ quản lý; thực hiện quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến, thu hút được người giỏi vào ngành Giáo dục và Đào tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phát triển.

Rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô phát triển giáo dục, nhu cầu về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho giáo dục và đào tạo bảo đảm tối thiểu là 20% tổng chi ngân sách nhà nước.

Phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn.

Đổi mới cơ cấu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tăng đầu tư cơ sở vật chất và tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và ngoài công lập.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Tăng cường huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước.

Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo có thành tích học tập tốt. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trong giáo dục và đào tạo.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, quản lý giáo dục; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu toàn ngành giáo dục, đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục, kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; tất cả cơ sở giáo dục triển khai dạy học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

Xây dựng và khai thác nguồn tài nguyên giáo dục mở, đáp ứng cơ hội học tập suốt đời cho người dân. Phát triển kho học liệu số dùng chung toàn ngành. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu thí điểm và triển khai các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; triển khai mạnh mẽ mô hình giáo dục đại học số nhằm phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực và hạ tầng số, đường truyền, băng thông, nền tảng tích hợp - chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên hỗ trợ các cơ sở giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong hợp tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học

Nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh. Tăng cường công bố khoa học, khuyến khích xuất bản và phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế, bảo đảm liên chính học thuật.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tập trung đẩy mạnh gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học và tạo ra tài sản trí tuệ. Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, khuyến khích thành lập doanh nghiệp ứng dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học. Hình thành văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục từ phổ thông đến đại học; hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học.

10. Tăng cường hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận, điều ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định đối với các cấp học.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế giữa các cơ sở giáo dục với các đối tác có uy tín của nước ngoài; đẩy mạnh hợp tác, đầu tư, liên kết với nước ngoài nhằm phát triển các trường phổ thông chất lượng cao.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách theo phân cấp hiện hành.
- Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.
- Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
- Nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Kế hoạch và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan, các địa phương cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ 5 năm, hằng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và với các cấp học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành có liên quan triển khai Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật về việc làm đồng bộ, liên thông với khung trình độ quốc gia đáp ứng yêu cầu kỹ năng nghề nghiệp của thị trường lao động; tổ chức dự báo và thông tin về nhu cầu nhân lực.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh kế hoạch trung hạn và hằng năm cho các sở, huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo thực hiện mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch; tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục theo kế hoạch trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành địa phương ưu tiên bố trí ngân sách cho nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bảo đảm bố trí ngân sách tỉnh chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách tỉnh theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, huyện, thị xã, thành phố xây dựng cơ chế chính sách để thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học; nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học trong tỉnh để gia nhập các hệ thống trích dẫn có uy tín của cả nước.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục đại học.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tình ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu của địa phương theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đến năm 2030.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút nhân tài, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người tỉnh ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục của tỉnh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường để bồi dưỡng, xây dựng con người Hải Dương phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

8. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành để kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh để cải thiện, có kết quả rõ rệt trong việc nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam thế hệ mới.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện tuyên truyền về giáo dục. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục và đào tạo. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin trong ngành giáo dục, nhất là tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

10. Tỉnh Đoàn, Hội Khuyến học tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp có liên quan: triển khai thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Các sở, ngành của tỉnh và các cơ quan có liên quan

Xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, đề án được giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch; đồng thời bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, đề án theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định thuộc lĩnh vực phụ trách nhằm thúc đẩy phát triển giáo dục. Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, đề án, dự án, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Căn cứ theo Kế hoạch phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch, bố trí đủ quỹ đất cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở GD&ĐT, Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, VH&TTDL, LĐTB&XH, Y tế, Xây dựng, Tỉnh Đoàn TN, Hội KH tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, Hiên (6).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Hùng